KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2011

PHẦN I - LÃI, LỖ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết Minh	QUÝ 2		LŨY KẾ	
			NĂM 2011	NĂM 2010	NĂM 2011	NĂM 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	*01*	**24**	**84,306,876,237**	**31,620,435,896**	**126,249,460,702**	**97,052,815,655**
2. Các khoản giảm trừ	*02*	24				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	*10*	**24**	**84,306,876,237**	**31,620,435,896**	**126,249,460,702**	**97,052,815,655**
4. Giá vốn hàng bán	*11*	25	60,455,699,982	(801,068,477)	85,121,888,210	38,981,082,130
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	*20*		**23,851,176,255**	**32,421,504,373**	**41,127,572,492**	**58,071,733,525**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	*21*	24	(2,121,664,879)	22,902,421,882	434,094,189	25,119,645,487
7. Chi phí tài chính	*22*	26	1,427,554,004	4,797,011,700	4,099,704,038	6,696,880,749
- Trong đó: Lãi vay phải trả	*23*		1,427,554,004	4,771,979,700	4,099,704,038	6,671,848,749
8. Chi phí bán hàng	*24*		2,126,084,735	1,131,820,257	4,926,866,255	1,141,834,257
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	*25*		4,237,828,368	13,649,437,599	9,199,021,590	14,939,170,968
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	*30*		**13,938,044,269**	**35,745,656,699**	**23,336,074,798**	**60,413,493,038**
11. Thu nhập khác	*31*		1,648	112,100,000	5,388	140,621,000
12. Chi phí khác	*32*		21,056,182	170,382,226	43,390,095	198,382,226
13. Lợi nhuận khác	*40*		**(21,054,534)**	**(58,282,226)**	**(43,384,707)**	**(57,761,226)**
14. Lãi lỗ từ công ty liên doanh liên kết			(5,580,039,132)	-	(5,580,039,132)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	*50*		**8,336,950,603**	**35,687,374,473**	**17,712,650,959**	**60,355,731,812**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	*51*	28	3,024,155,832	10,477,813,850	5,432,022,262	16,645,647,233
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	*52*		226,495,969	(159,537,185)	162,554,628	(159,537,185)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		**5,086,298,802**	**25,369,097,808**	**12,118,074,069**	**43,869,621,764**
18.1. Lợi ích cổ đông thiểu số			28,547,809	466,155	28,564,973	5,578,197
18.2. Lợi ích sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			**5,057,750,992**	**25,368,631,653**	**12,089,509,096**	**43,864,043,567**
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		**506**	**2,537**	**1,209**	**4,386**

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Hoàng Anh	Vũ Quỳnh Hoa	Trịnh Xuân Hà